

**PHẦN I - TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm) Chọn phương án đúng nhất**

**Câu 1.** Trong ống tiêu hoá ở người, nơi hấp thụ chất dinh dưỡng chủ yếu là:

- A. Ruột thừa                      B. Ruột già                      C. Ruột non                      D. Dạ dày

**Câu 2.** Biện pháp nào dưới đây giúp cải thiện tình trạng táo bón ở người

1. Ăn nhiều rau xanh                      3. Uống nhiều nước  
2. Hạn chế thức ăn chứa nhiều tinh bột và protein                      4. Uống chè đặc

- A. 2, 3                      B. 1, 3                      C. 1, 2                      D. 1, 2, 3

**Câu 3.** Tại ruột non: lipit sau khi tiêu hoá sẽ tạo thành

- A. Glixêrol và vitamin                      C. Nuclêôtit và axit amin.  
B. Glixêrol và axit amin                      D. Glixêrol và axit béo.

**Câu 4.** Trong quá trình tiêu hoá, chất nào dưới đây bị biến đổi thành chất khác?

- A. Vitamin                      B. Ion khoáng                      C. Gluxit                      D. Nước

**Câu 5.** Tuyến tiêu hoá nào dưới đây không nằm trong ống tiêu hoá?

- A. Tuyến tụy                      B. Tuyến vị                      C. Tuyến ruột                      D. Tuyến nước bọt

**Câu 6.** Mỗi ngày, một người bình thường tiết khoảng bao nhiêu ml nước bọt?

- A. 1000 – 1500 ml                      C. 400 – 600 ml  
B. 800 – 1200 ml                      D. 500 – 800 ml

**Câu 7.** Cơ quan nào đóng vai trò chủ yếu trong cử động nuốt?

- A. Họng                      B. Thực quản                      C. Lưỡi                      D. Khí quản

**Câu 8.** Tuyến nước bọt lớn nhất của con người nằm ở đâu?

- A. Hai bên mang tai                      B. Dưới lưỡi                      C. Dưới hàm                      D. Vòm họng

**Câu 9.** Loại thức uống nào dưới đây gây hại cho gan của bạn?

- A. Rượu trắng                      B. Nước lọc                      C. Nước khoáng                      D. Nước ép trái cây

**Câu 10.** Vi khuẩn *Helicobacter pylori* – thủ phạm gây viêm loét dạ dày kí sinh ở đâu?

- A. Lớp dưới niêm mạc                      B. Lớp niêm mạc                      C. Lớp cơ                      D. Lớp màng bọc

**Câu 11.** Trong dạ dày chỉ xảy ra quá trình tiêu hoá hóa học

- A. Prôtêin                      B. Gluxit                      C. Lipit                      D. Axit nuclêic.

**Câu 12.** Chất nhày trong dịch vị có tác dụng gì?

- A. Bảo vệ dạ dày khỏi sự xâm lấn của virus gây hại.  
B. Dự trữ nước cho hoạt động co bóp của dạ dày  
C. Chứa một số enzym giúp tăng hiệu quả tiêu hoá thức ăn  
D. Bao phủ bề mặt niêm mạc, giúp ngăn cách các tế bào niêm mạc với pepsin và HCl.

**Câu 13.** Thông thường, thức ăn được lưu giữ ở dạ dày trong bao lâu?

- A. 1 – 2 giờ                      B. 3 – 6 giờ                      C. 6 – 8 giờ                      D. 10 – 12 giờ

**Câu 14.** Thức ăn được đẩy từng đợt từ dạ dày xuống ruột non nhờ hoạt động nào sau đây?

1. Sự co bóp của cơ vùng tâm vị  
2. Sự co bóp của cơ vòng môn vị  
3. Sự co bóp của các cơ dạ dày

- A. 1, 2, 3                      B. 1, 3                      C. 2, 3                      D. 1, 2

**Câu 15.** Tại ruột già xảy ra hoạt động

- A. hấp thụ lại nước                      C. hấp thụ chất dinh dưỡng  
B. tiêu hoá thức ăn                      D. nghiền nát thức ăn

**Câu 16.** Lớp cơ của thành ruột non được cấu tạo từ mấy loại cơ?

- A. 1 loại                      B. 4 loại                      C. 3 loại                      D. 2 loại

**Câu 17.** Dịch ruột và dịch mật đổ vào bộ phận nào của ống tiêu hoá?

- A. Tá tràng                      B. Manh tràng                      C. Hỗng tràng                      D. Hồi tràng

**Câu 18.** Quá trình tiêu hoá thức ăn về mặt hoá học diễn ra mạnh mẽ nhất ở bộ phận nào?

- A. Hồi tràng                      B. Hỗng tràng                      C. Dạ dày                      D. Tá tràng

**Câu 19.** Có khoảng bao nhiêu % lipit sau khi biến đổi được vận chuyển theo con đường máu?

- A. 70%                      B. 40%                      C. 30%                      D. 50%

**Câu 20.** Độ axit cao của thức ăn khi xuống tá tràng là tín hiệu

- A. Đóng tâm vị                      B. Mở môn vị                      C. Đóng môn vị                      D. Mở tâm vị.

**Câu 21.** Trong ống tiêu hoá của người, vai trò hấp thụ chất dinh dưỡng thuộc về bộ phận nào?

- A. Dạ dày                      B. Ruột non                      C. Ruột già                      D. Thực quản

**Câu 22.** Đặc điểm nào **không** phải là của ruột non giúp chúng hấp thụ chất dinh dưỡng?

- A. Hệ thống mao mạch máu và mao mạch bạch huyết dày đặc, phân bố tới từng lông ruột  
B. Lớp niêm mạc gấp nếp, trên đó là các mào với lông ruột dày đặc giúp làm tăng diện tích bề mặt ruột non lên  
C. Kích thước rất dài (2,8 – 3 mét)  
D. Có cấu tạo bởi 3 lớp cơ.

**Câu 23.** Loại thức ăn nào dưới đây chứa nhiều oxalat – thủ phạm hàng đầu gây sỏi đường tiết niệu?

- A. Đậu xanh                      B. Rau ngót                      C. Rau bina                      D. Dưa chuột

**Câu 24.** Việc làm nào dưới đây có hại cho hệ bài tiết?

- A. Uống nhiều nước                      B. Nhịn tiểu                      C. Đi chân đất                      D. Không mặc màn khi ngủ

**Câu 25.** Ca ghép thận đầu tiên trên thế giới được thực hiện vào năm nào?

- A. 1963                      B. 1954                      C. 1926                      D. 1981

**Câu 26.** Để bảo vệ hệ bài tiết nước tiểu, chúng ta cần tránh điều nào sau đây?

- A. Ăn quá mặn, quá chua                      C. Đi tiểu khi có nhu cầu  
B. Uống nước vừa đủ                      D. Không ăn thức ăn ôi thiu, nhiễm độc

**Câu 27.** Tác nhân nào dưới đây có thể **không** gây hại cho hệ bài tiết nước tiểu?

- A. Khẩu phần ăn uống không hợp lí                      C. Uống nước theo nhu cầu  
B. Vi sinh vật gây bệnh                      D. Các chất độc có trong thức ăn

**Câu 28.** Các tế bào ống thận có thể bị đầu độc bởi tác nhân:

- A. Thủy ngân                      B. Nước                      C. Glucôzơ                      D. Vitamin

## PHẦN II – TỰ LUẬN (3,0đ)

**Câu 1 (1,0 điểm):** Những đặc điểm cấu tạo nào của ruột non giúp nó đảm nhiệm tốt vai trò hấp thụ các chất dinh dưỡng?

**Câu 2 (1,5 điểm):** Trình bày cấu tạo hệ bài tiết nước tiểu. Vẽ - ghi chú sơ đồ quá trình tạo thành nước tiểu ở một đơn vị chức năng của thận (H39.1 SGK).

**Câu 3 (0,5 điểm):** Nêu nguyên nhân, triệu chứng, cách phòng và chữa 3 bệnh ngoài da mà em biết.

-----HẾT-----